

Bản án số: 298/2022/DS-ST

Ngày: 23-8-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Kim Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Phúc.

Bà Võ Anh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khánh Hoàng – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 460/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4033/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 4810/2022/QĐST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Nguyễn Anh V, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Phường Bình An, Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân M, sinh năm 1982 (Có mặt); Địa chỉ: Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số công chứng 014419, quyền số 09/2020/HĐGD-CCBN ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại Văn phòng Công chứng Bến Nghé, Thành phố Hồ Chí Minh).

Bị đơn: Ông Phan Thanh D, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trịnh Thị Bích D1, sinh năm

1971 (Vắng mặt).

Địa chỉ: phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 9 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Khoảng cuối tháng 5 năm 2018, nguyên đơn là ông Huỳnh Nguyễn Anh V có cho bị đơn là ông Phan Thanh D vay 1.500.000.000 đồng, hai bên thoả thuận lãi suất là 3,33%/tháng (tương đương tiền lãi 50.000.000 đồng/tháng).

Tháng 12 năm 2018, nguyên đơn tiếp tục cho bị đơn vay thêm 50.000.000 đồng, hai bên không thoả thuận lãi suất đối với khoản vay này.

Ngày 04 tháng 7 năm 2019, nguyên đơn và bị đơn ký giấy mượn nợ, bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn 1.500.000.000 đồng nợ gốc, lãi suất hàng tháng là 50.000.000 đồng. Hai bên không thoả thuận thời gian trả nợ mà chỉ ghi là “Trường hợp ông V muốn trả trước hạn thì báo trước với tôi trong vòng 60 ngày để tôi hoàn trả lại toàn bộ gốc và lãi”.

Trong quá trình vay, bị đơn chỉ thanh toán được cho nguyên đơn 02 tháng tiền lãi là 100.000.000 đồng (trả lãi tháng 7 và tháng 8 năm 2019), ngoài ra bị đơn không thanh toán thêm khoản nào khác. Do bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả lãi hàng tháng, nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ bị đơn yêu cầu trả nợ, nhưng bị đơn cố tình trốn tránh. Ngày 23 tháng 5 năm 2020, nguyên đơn nhắn tin đến số điện thoại 0903.357.888 cho bị đơn thông báo đến hết ngày 01 tháng 8 năm 2020, nếu bị đơn không trả nợ thì nguyên đơn sẽ khởi kiện tại Tòa án. Căn cứ theo khoản 1 Điều 466 và khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán 2.633.320.000 đồng, gồm nợ gốc 1.550.000.000 đồng, nợ lãi 1.083.320.000 đồng. Bị đơn còn phải thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất do pháp luật quy định kể từ tháng 04 năm 2021 đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nợ lãi được tính như sau: Tiền lãi trên nợ gốc trong thời hạn hợp đồng vay theo Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015: $1.500.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 33 \text{ tháng} = 825.000.000 \text{ đồng}$. Tiền lãi đối với khoản tiền lãi chậm trả trong thời hạn hợp đồng vay theo khoản 4, điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, gồm: $825.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 8 \text{ tháng} = 55.000.000 \text{ đồng}$ (từ tháng 8 năm 2020 đến tháng 3 năm 2021), $50.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 8 \text{ tháng} = 3.320.000 \text{ đồng}$ (từ tháng 8 năm 2020 đến tháng 3 năm 2021). Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015: $1.500.000.000 \text{ đồng} \times (150\% \times 1,66\%/\text{tháng} \times 8 \text{ tháng}) = 300.000.000 \text{ đồng}$ (từ tháng 8 năm 2020 đến tháng 3 năm 2021).

Bị đơn ông Phan Thanh D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Bích D1 vắng mặt không có lời trình bày.

Tại phiên toà sơ thẩm ngày 23 tháng 8 năm 2022:

Nguyên đơn đề nghị Toà án áp dụng mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/năm, do trong giấy vay các bên thoả thuận lãi suất vượt quá lãi suất giới hạn được quy định.

Tại bản trình bày ngày 23 tháng 8 năm 2022: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn thanh toán nợ gốc là 1.550.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính là 1.861.465.900 đồng. Bị đơn phải thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất do pháp luật quy định kể từ ngày 24 tháng 8 năm 2022 cho đến khi xong nợ.

Nợ lãi được tính như sau: Tiền lãi trên nợ gốc trong thời hạn hợp đồng vay (Áp dụng lãi suất theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015: $1.500.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 35 \text{ tháng} = 871.500.000 \text{ đồng}$ (từ ngày 04 tháng 9 năm 2019 đến ngày 04 tháng 8 năm 2022); Tiền lãi đối với khoản tiền lãi chậm trả trong thời hạn hợp đồng vay (Áp dụng theo khoản 4, điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015), gồm: $871.500.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 22 \text{ tháng} = 159.135.900 \text{ đồng}$ (từ tháng 11 năm 2020 đến tháng 8 năm 2022); $50.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 22 \text{ tháng} = 9.130.000 \text{ đồng}$ (từ tháng 11 năm 2020 đến tháng 8 năm 2022); Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015: $1.500.000.000 \text{ đồng} \times (150\% \times 1,66\%/\text{tháng}) \times 22 \text{ tháng} = 821.700.000 \text{ đồng}$ (từ tháng 11 năm 2020 đến tháng 8 năm 2022).

Ngoài ra, nguyên đơn không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

Nguyên đơn thống nhất xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ thanh toán của bị đơn là 60 ngày, kể từ ngày 21 tháng 5 năm 2021 đến ngày 21 tháng 7 năm 2021 theo Biên bản giao nhận văn bản ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Toà án nhân dân Quận 1. Theo đó, nguyên đơn xác định thời điểm tính lãi trong hạn đối với khoản nợ gốc 1.500.000.000 đồng là từ ngày 04 tháng 7 năm 2019 đến ngày 21 tháng 7 năm 2021. Trước đây nguyên đơn nhận thấy thời gian áp dụng để tính lãi quá hạn là kể từ khi Toà án thụ lý vụ án và triệu tập lần thứ nhất (bà D1 có đến làm việc theo giấy uỷ quyền, trong buổi làm việc người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có cung cấp tài liệu khởi kiện và bản tự khai cho bà D1). Tuy nhiên, tại phiên toà hôm nay, để cho phù hợp thì nguyên đơn thống nhất xác định thời điểm tính lãi quá hạn là từ ngày 22 tháng 7 năm 2021, không yêu cầu tính từ thời điểm tháng 11 năm 2020 nữa.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên toà và của người tham gia tố tụng

trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết nội dung vụ án, sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Huỳnh Nguyễn Anh V khởi kiện tranh chấp về hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Phan Thanh D có nơi cư trú tại phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Căn cứ Giấy uỷ quyền số công chứng 014419, quyền số 09/2020/HĐGD-CCBN ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại Văn phòng Công chứng Bến Nghé, Thành phố Hồ Chí Minh của nguyên đơn uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị Xuân M thay mặt tham gia nguyên đơn tố tụng để thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 85, Điều 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng của bà Nguyễn Thị Tú P: Bà Nguyễn Thị Tú P có quan hệ hôn nhân hợp pháp với nguyên đơn ông Huỳnh Nguyễn Anh V theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyền số 1/2004 do Ủy ban nhân dân phường An Khánh, Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 01 năm 2004. Tại bản tự khai ngày 11 tháng 5 năm 2021, bà P trình bày chồng bà là ông V có cho ông D vay tổng số tiền là 1.550.000.000 đồng, bà cam kết tổng số tiền 1.550.000.000 đồng là tài sản riêng của ông V, bà không có ý kiến gì về khoản tiền riêng này của chồng bà và cam kết không khiếu nại gì về sau trong việc giải quyết vụ án trên. Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn cũng xác nhận số tiền 1.550.000.000 đồng là tài sản riêng của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Tú P không có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không đưa bà Nguyễn Thị Tú P vào tham gia tố tụng.

[4] Về tư cách tham gia tố tụng của bà Trịnh Thị Bích D1: Tại Công văn số 279/UBND ngày 31 tháng 5 năm 2021 đính kèm Trích lục kết hôn số: 30*/TLKH-BS ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện bà Trịnh Thị Bích D1 và bị đơn ông Phan Thanh D có quan hệ hôn nhân hợp pháp, đăng ký kết hôn số 124 ngày 20 tháng 10 năm 2015. Việc vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn diễn ra trong thời kỳ hôn nhân của bị đơn và bà Trịnh Thị Bích D1. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, Hội đồng xét xử đưa bà Trịnh Thị Bích

D1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[5] Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do, không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quan điểm của mình, cũng như không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ được quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ.

[7] Về thủ tục trưng cầu giám định: Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không thực hiện thủ tục trưng cầu giám định chữ ký của bị đơn tại Giấy mượn nợ ngày 04 tháng 7 năm 2019. Hội đồng xét xử thấy vụ án không thuộc trường hợp cần thiết phải giám định chữ ký theo quy định tại Điều 102 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Về nội dung: Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc là 1.550.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy:

[9] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, có cơ sở xác định: Nguyên đơn ông Huỳnh Nguyễn Anh V có cho bị đơn ông Phan Thanh D vay không kỳ hạn tổng số tiền là 1.550.000.000 đồng theo Giấy mượn nợ ngày 04 tháng 7 năm 2019. Nội dung giấy mượn nợ thể hiện có 02 khoản nợ gốc: Khoản nợ thứ nhất là 1.500.000.000 đồng, không rõ ngày tháng vay, lãi suất hàng tháng là 50.000.000 đồng; Khoản nợ thứ hai là 50.000.000 đồng, bị đơn vay của nguyên đơn vào tháng 12 năm 2018, hai bên không thoả thuận lãi. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã hình thành giao dịch dân sự cho vay tài sản, phát sinh quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 465, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[10] Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Tại Giấy mượn nợ ngày 04 tháng 7 năm 2019 ghi nhận: “Trường hợp ông V muốn trả trước hạn thì báo trước với tôi trong vòng 60 ngày (sáu mươi ngày) để tôi hoàn trả lại toàn bộ gốc và lãi”. Điều này ràng buộc nguyên đơn có nghĩa vụ thông báo trước cho bị đơn

trong thời hạn 60 ngày để bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ, phù hợp với quy định tại Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[11] Ngày 21 tháng 5 năm 2021, Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp Thông báo về việc giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ số: 3069/TB-TA kèm theo các tài liệu, chứng cứ cho bị đơn và bà Trịnh Thị Bích D1, gồm: Đơn khởi kiện ngày 10 tháng 9 năm 2020 của nguyên đơn, giấy mượn nợ ngày 04 tháng 7 năm 2019, Vi bằng số: 54/2021/VB-TPL ngày 03 tháng 3 năm 2021, Giấy xác nhận về việc có mượn nợ và có nhận thông báo đòi nợ ngày 13 tháng 11 năm 2020. Bị đơn đã ký tên, ghi rõ họ tên và xác nhận đã nhận đủ thông báo kèm các tài liệu, chứng cứ nêu trên tại Biên bản giao nhận ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[12] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, gồm: Bản in các tin nhắn qua mạng ứng dụng Zalo; Vi bằng số: 54/2021/VB-TPL ngày 03 tháng 3 năm 2021 lập tại Văn phòng Thừa phát lại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Thông báo về việc thanh toán khoản nợ vay ngày 13 tháng 11 năm 2020; Các vận đơn bưu điện, để chứng minh nguyên đơn đã thông báo trước 60 ngày cho bị đơn về yêu cầu thanh toán nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy các tài liệu này không có chữ ký xác nhận của bị đơn, cũng không có thông tin ghi nhận bị đơn đã nhận được thông báo trả nợ từ nguyên đơn. Mặt khác, tại Văn bản số: 901/TT.TCTK-ĐSTK ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Trung tâm tính cước và thanh khoản Mobifone – Tổng Công ty viễn thông Mobifone phúc đáp Công văn số: 777/2021/QĐ-CCTLCC ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xác định không có ai có số chứng minh nhân dân 022312159 (là số chứng minh nhân dân của bị đơn ghi trong giấy mượn nợ ngày 04 tháng 7 năm 2019) đã đăng ký số điện thoại 090.335.7888, 093.888.9*** để sử dụng dịch vụ của Tổng Công ty viễn thông Mobifone trong khoảng thời gian được yêu cầu. Do đó, đối với các tin nhắn nguyên đơn trao đổi với bị đơn qua mạng ứng dụng Zalo qua số điện thoại 090.335.7888 và số 093.888.9*** theo Vi bằng số: 54/2021/VB-TPL ngày 03 tháng 3 năm 2021, Hội đồng xét xử không có đủ cơ sở xác định bị đơn là người trực tiếp nhắn tin liên lạc với nguyên đơn; các tài liệu, chứng cứ nêu trên mà nguyên đơn giao nộp không đủ để chứng minh việc bị đơn đã nhận được thông báo yêu cầu trả nợ từ nguyên đơn.

[13] Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự theo đúng quy định pháp luật, Hội đồng xét xử chỉ có căn cứ xác định bị đơn nhận được thông báo đòi nợ của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán toàn bộ tiền nợ gốc 1.550.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo Biên bản giao nhận văn bản ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Tòa án. Do đó, nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền nợ gốc và lãi của bị đơn là 60 ngày, tính từ ngày 21 tháng 5 năm 2021 đến ngày

21 tháng 7 năm 2021. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn cũng xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ của bị đơn như đã nêu. Tuy nhiên, cho đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn.

[14] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc là 1.550.000.000 đồng.

[15] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ lãi trong hạn, lãi chậm trả và nợ lãi quá hạn đối với khoản nợ gốc 1.500.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn đối với nợ gốc 50.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy:

[16] Theo Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nguyên đơn có quyền yêu cầu tiền lãi chậm trả. Căn cứ Giấy mượn nợ ngày 04 tháng 7 năm 2019, các bên có thỏa thuận về việc bị đơn có nghĩa vụ trả lãi hàng tháng số tiền 50.000.000 đồng tính trên số tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất là 40%/năm, đây là mức lãi suất vượt quá mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; tại phiên tòa, nguyên đơn đề nghị Tòa án áp dụng mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần điều chỉnh và áp dụng mức lãi suất giới hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 là 20%/năm (1,66%/tháng; 0,055%/ngày); còn nợ gốc 50.000.000 đồng, các bên không có thỏa thuận về việc trả lãi.

[17] Đối với số tiền nợ gốc 1.500.000.000 đồng: Nguyên đơn trình bày cho bị đơn vay vào khoảng cuối tháng 5 năm 2018, nhưng nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh vấn đề này và bị đơn vắng mặt. Ngoài ra, nội dung giấy mượn nợ ngày 04 tháng 7 năm 2019 cũng không ghi nhận cụ thể thời gian vay. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xác định thời gian vay là cuối tháng 5 năm 2018, chỉ có cơ sở xác định thời gian vay là vào ngày 04 tháng 7 năm 2019, tức thời điểm nguyên đơn và bị đơn viết giấy mượn nợ nêu trên. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn cũng xác định thời hạn tính lãi trong hạn đối với khoản nợ gốc 1.500.000.000 đồng là từ ngày 04 tháng 7 năm 2019 đến ngày 21 tháng 7 năm 2021. Theo quy định tại khoản 5 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, thì hợp đồng vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì tiền lãi, lãi suất được xác định như sau:

[18] Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn tính từ ngày 04 tháng 7 năm 2019 đến ngày 21 tháng 7 năm 2021: $1.500.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\%/ \text{ngày} \times 748 \text{ ngày} = 617.100.000 \text{ đồng}$. Nguyên đơn trình bày bị đơn đã trả được tiền lãi tháng 7 và tháng 8 năm 2019 (mỗi tháng 50.000.000 đồng) là 100.000.000 đồng, mặc dù

hai bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh, nhưng nguyên đơn thừa nhận tình tiết, sự kiện này là có lợi cho bị đơn, nên Hội đồng xét xử ghi nhận và điều chỉnh lại số tiền lãi tháng 7 và tháng 8 năm 2019 là: $1.500.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\%/\text{ngày} \times 60 \text{ ngày} = 49.500.000 \text{ đồng}$, bị đơn đóng dư tiền lãi của tháng 7 và tháng 8 năm 2019 là: $100.000.000 \text{ đồng} - 49.500.000 \text{ đồng} = 50.500.000 \text{ đồng}$ sẽ được căn trừ vào tiền lãi chưa thanh toán. Như vậy, tiền lãi trên nợ gốc trong hạn tính từ ngày 04 tháng 7 năm 2019 đến ngày 21 tháng 7 năm 2021, sau khi căn trừ tiền lãi tháng 7 và tháng 8 năm 2019 đã trả: $(617.100.000 \text{ đồng} - 49.500.000 \text{ đồng}) - 50.500.000 \text{ đồng} = 517.100.000 \text{ đồng}$; Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả tính từ ngày 22 tháng 7 năm 2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (23 tháng 8 năm 2022): $517.100.000 \text{ đồng} \times 0,028\%/\text{ngày} \times 397 \text{ ngày} = 57.469.720 \text{ đồng}$; Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn tính từ ngày 22 tháng 7 năm 2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (23 tháng 8 năm 2022): $1.500.000.000 \text{ đồng} \times (150\% \times 0,055\%/\text{ngày}) \times 397 \text{ ngày} = 491.287.500 \text{ đồng}$. Tổng cộng 1.065.857.220 đồng.

[19] Đối với số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng: Theo quy định tại khoản 4 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, thì hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì lãi, lãi suất được xác định như sau: Mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng; 0,028%/ngày). Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn tính từ ngày 22 tháng 7 năm 2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (23 tháng 8 năm 2022): $50.000.000 \text{ đồng} \times 0,028\%/\text{ngày} \times 397 \text{ ngày} = 5.558.000 \text{ đồng}$.

[20] Tổng cộng nợ gốc và lãi: $1.550.000.000 \text{ đồng} + 1.065.857.220 \text{ đồng} + 5.558.000 \text{ đồng} = 2.621.415.220 \text{ đồng}$.

[21] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán nợ lãi tính đến ngày 23 tháng 8 năm 2022, gồm: lãi trong hạn, lãi chậm trả và lãi quá hạn đối với khoản nợ gốc 1.500.000.000 đồng, lãi quá hạn đối với nợ gốc 50.000.000 đồng. Bị đơn còn phải thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 24 tháng 8 năm 2022 cho đến khi thanh toán xong nợ.

[22] Về nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phan Thanh D và bà Trịnh Thị Bích D1 đều vắng mặt và không có lời trình bày, không giao nộp tài liệu, chứng cứ nào thể hiện bà Trịnh Thị Bích D1 phải có nghĩa vụ với nguyên đơn. Tại giấy mượn nợ ngày 04 tháng 7 năm 2019, chỉ có chữ ký và họ tên của bị đơn xác nhận vay của nguyên đơn, không có chữ ký của bà Trịnh Thị Bích D1. Mặt khác, nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu cá nhân bị đơn có nghĩa vụ trả nợ. Do

đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xác định bà Trịnh Thị Bích D1 có nghĩa vụ liên đới với bị đơn trong việc trả nợ cho nguyên đơn.

[23] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 là có cơ sở.

[24] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[25] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, các Điều 465, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 và khoản 2 Điều 5, Điều 6, Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Nguyễn Anh V.

Buộc bị đơn ông Phan Thanh D có nghĩa vụ thanh toán cho ông Huỳnh Nguyễn Anh V tổng số tiền tính đến ngày 23 tháng 8 năm 2022 là 2.621.415.220 đồng (Hai tỷ, sáu trăm hai mươi một triệu, bốn trăm mười lăm ngàn, hai trăm hai mươi) đồng, gồm: Nợ gốc là 1.550.000.000 (Một tỷ, năm trăm năm mươi triệu) đồng; Nợ lãi là 1.071.415.220 (Một tỷ, không trăm bảy mươi một triệu, bốn trăm mười lăm ngàn, hai trăm hai mươi) đồng, theo Giấy mượn nợ đề ngày 04 tháng 7 năm 2019.

Kể từ ngày 24 tháng 8 năm 2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Phan Thanh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 84.428.304 (Tám mươi bốn triệu, bốn trăm hai mươi tám ngàn, ba trăm lẻ bốn) đồng.

Ông Huỳnh Nguyễn Anh V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Huỳnh Nguyễn Anh V tiền tạm ứng án phí đã nộp là 42.582.529 (Bốn mươi hai triệu, năm trăm tám mươi hai ngàn, năm trăm hai mươi chín) đồng theo biên lai thu số: AA/2019/0029676 ngày 01 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, TP.HCM;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Kim Huệ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Kim Huệ